

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU DÂN SỐ VÀ PHÁT TRIỂN THÁNG 9 NĂM 2025

(Kèm theo Báo cáo số /BC-SYT ngày tháng 9 năm 2025 của Sở Y tế tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Trung tâm Y tế	Tổng số trẻ sinh ra	Giới tính khi sinh			Con thứ 3 trở lên		Phụ nữ mang thai sàng lọc trước sinh			Số trẻ em sàng lọc sơ sinh		Nam/ Nữ thanh niên được tư vấn, khám sức khỏe			Người cao tuổi được chăm sóc sức khỏe					Tổng số người chết
			Trẻ em trai	Trẻ em gái	Trẻ em trai/100 trẻ em gái	Số lượng	%	Số phụ nữ mang thai dự kiến sinh	Số phụ nữ mang thai thực hiện sàng lọc trước sinh		Miễn phí	Xã hội hóa	Tổng số cặp nam/nữ đã kết hôn (cặp)	Trong đó		Tổng số NCT	Trong đó				
									Miễn phí	Xã hội hóa				Số người được tư vấn (người)	Số người được khám sức khỏe (người)		Số NCT cô đơn, bị bệnh nặng	Số NCT có thể bảo hiểm y tế	Số NCT được khám sức khỏe định kỳ	Số NCT chăm sóc y tế tại nhà	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
1	Quảng Ngãi	146	73	73	100,00	22	15,07	160		151		140	103	130		48.266	683	46.967	1.323	112	81
2	Bình Sơn	168	85	83	102,41	31	18,45	169		167		165	31	62		30.836	360	30.517	1.940	198	85
3	Sơn Tịnh	101	53	48	110,42	10	9,90	101		101		101	29	10	2	16.774	223	16.605	503	110	34
4	Tư Nghĩa	88	40	48	83,33	14	15,91	88		54		54	5		10	27.554		26.431		28	14
5	Mộ Đức	91	59	32	184,38	10	10,99	96		87		85	38	59		24.734	55	24.163	4.044	40	58
6	Đức Phổ	99	59	40	147,50		0,00	86		81		60	58	93		21.739	100	20.792	3.255	43	69
7	Nghĩa Hành	97	47	50	94,00	9	9,28	111		90		85	39	56		19.896	276	19.707	1.208	41	38
8	Trà Bồng	59	36	23	156,52	23	38,98	59		36		21	25	15		6.188	125	6.188	157	33	23
9	Sơn Hà	65	38	27	140,74	7	10,77	62		38		43	76	25		9.143	138	8.710	346	30	36
10	Sơn Tây	23	11	12	91,67	1	4,35	23		10		13	44	43		1.619	92	1.619		10	7
11	Minh Long	15	7	8	87,50	4	26,67	15		11		11	2	4		2.191	131	2.113	634	45	4
12	Ba Tơ	55	24	31	77,42	6	10,91	59		8		13	81	160		6.813	40	6.748		18	14
13	Lý Sơn	18	10	8	125,00	2	11,11	16		2		9	3	6		3.034		3.034		21	3

TT	Trung tâm Y tế	Tổng số trẻ sinh ra	Giới tính khi sinh			lên		sàng lọc trước sinh			lọc sơ sinh		thanh niên được tư vấn, khám sức khỏe			Người cao tuổi được chăm sóc sức khỏe					Tổng số người chết
			Trẻ em trai	Trẻ em gái	Trẻ em trai/100 trẻ em gái	Số lượng	%	Số phụ nữ mang thai dự kiến sinh	Số phụ nữ mang thai thực hiện sàng lọc trước sinh		Miễn phí	Xã hội hóa	Tổng số cặp nam/nữ đã kết hôn (cặp)	Trong đó		Tổng số NCT	Trong đó				
									Miễn phí	Xã hội hóa				Số người được tư vấn (người)	Số người được khám sức khỏe (người)		Số NCT cô đơn, bị bệnh nặng	Số NCT có thể bảo hiểm y tế	Số NCT được khám sức khỏe định kỳ	Số NCT chăm sóc y tế tại nhà	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
14	Đăk Hà	122	61	61	100,00	26	21,31	177		8	11		76	43		8.750	6	8.032	983	6	28
15	Kon Rẫy	45	26	19	136,84	12	26,67	45			2		32	44	6	2.868	16	2.847	847	302	9
16	Tu Mơ Rông	54	34	20	170,00	6	11,11	53	1				32	32		1.865		1.865	358		14
17	Kon Tum	156	73	83	87,95	20	12,82	164		18			50	36	2	20.509	126	17.635		61	20
18	Sa Thầy	101	52	49	106,12	17	16,83	101	1		15		30	40		5.019	55	5.019	1.167	38	13
19	Kon Plông	55	33	22	150,00	6	10,91	55			10		10	16	12	2.350	91	2.350	2.128	64	7
20	Ia H'Drai	17	7	10	70,00	7	41,18	10					10	10		300		300	25		1
21	Ngọc Hồi	76	39	37	105,41	8	10,53	79					17	17		5.735	74	4.533		46	23
22	Đăk Tô	65	31	34	91,18	8	12,31	90					21	17		4.972	15	3.282	1.303	8	17
23	Đăk Glei	48	23	25	92,00	3	6,25	52					19	38		4.400	159	4.252	698	6	32
Tổng cộng:		1.764	921	843	109,25	252	14,29	1.871	2	862	38	800	831	956	32	275.555	2.765	263.709	20.919	1.260	630

